

Bản án số: 2614/2023/DS-ST

Ngày: 22-12-2023

V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hề.

Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5264/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15826/2023/QĐHPT – DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 703 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1939 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

2. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 324/39 đường XVNT, Phường Y, quận BT, Thành phố H.

3. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 698 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 613 đường LĐT, Phường X, quận GV, Thành phố H.

5. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 6307 N102nd, Ave Omaha, NE 68134, USA (Hoa Kỳ)

6. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 4904 Hartwick Court, Rocklin, CA 95765, USA (Hoa Kỳ)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

7. Bà Lương Thị Thu H, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

8. Bà Phạm Hương Thục Đ, sinh năm 2001. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

9. Ông Phạm Gia H, sinh năm 2003. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Cha mẹ của Phạm Văn Đ là ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T.

Ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T chung sống có 07 người con gồm: Bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H. Ngoài ra ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T không có con nuôi, con riêng, cha mẹ nuôi.

Trong quá trình chung sống, ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T có tạo lập được căn nhà và quyền sử dụng đất 91,5m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 148,7m² tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp; Đo đạc thực tế diện tích đất 93,1m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 139,2m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 15538/TTĐĐBĐ-VPĐĐ ngày 26/4/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H.

Ông Phạm Văn D chết ngày 23/6/2010, không để lại di chúc tài sản cho ai.

Cha của ông Phạm Văn D là ông Phạm Văn H, chết trước năm 1945, không có khai tử, chứng tử.

Mẹ của ông Phạm Văn D là bà Vũ Thị C, chết trước năm 1945, không có khai tử, chứng tử.

Sau khi ông Phạm Văn D chết, bà Hoàng Thị T và các con đã nhiều lần họp gia đình để giải quyết phân chia di sản của ông Phạm Văn D nhưng bà Phạm Thị L không đồng ý. Hiện nay, di sản của ông Phạm Văn D do bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn Đ quản lý, sử dụng.

Các ông bà Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Văn Đ và Phạm Thị H đã đồng ý tặng cho ông Phạm Văn Đ phần hưởng di sản thừa kế của ông Phạm Văn D.

Ông Phạm Văn Đ khởi kiện, yêu cầu:

- Xác định $\frac{1}{2}$ nhà đất số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H, diện tích đất 93,1m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 139,2m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 15538/TTĐĐBĐ-VPĐD ngày 26/4/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H và theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp, là di sản thừa kế của ông Phạm Văn D.

- Chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn D cho bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H, mỗi người 1/8 di sản của ông Phạm Văn D.

- Ông Phạm Văn Đ nhận phần hưởng thừa kế di sản ông Phạm Văn D của các ông bà Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Thị L, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Đ và Phạm Thị H.

- Ông Phạm Văn Đ thanh toán cho bà Phạm Thị L giá trị phần hưởng thừa kế di sản ông Phạm Văn D tại thời điểm thi hành án.

- Ông Phạm Văn Đ cùng đứng tên đồng sở hữu với bà Hoàng Thị T đối với nhà đất số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị L:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bà Phạm Thị L vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn D chung sống có 07 người con gồm: Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Thị L, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Đ và Phạm Thị H. Ngoài ra ông Phạm Văn D và tôi không có con nuôi, con riêng, cha mẹ nuôi.

Trong quá trình chung sống, bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn D có tạo lập được căn nhà và quyền sử dụng đất 91,5m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 148,7m² tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp. Qua tìm hiểu, bà Hoàng Thị T được biết đây là tài sản chung của vợ chồng, bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn D mỗi người sở hữu $\frac{1}{2}$ nhà đất.

Ông Phạm Văn D chết ngày 23/6/2010, không để lại di chúc tài sản cho ai.

Sau khi ông Phạm Văn D chết, bà Hoàng Thị T và các con đã nhiều lần họp gia đình để giải quyết phân chia di sản của ông Phạm Văn D nhưng người con Phạm Thị L không đồng ý.

Nay Phạm Văn Đ khởi kiện Phạm Thị L yêu cầu chia di sản của ông Phạm Văn D chết để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H, bà Hoàng Thị T đồng ý nhận phần hưởng thừa kế di sản của ông Phạm Văn D.

Hiện nay, di sản của ông Phạm Văn D do bà Hoàng Thị T và Phạm Văn Đ quản lý, sử dụng, những người con Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Văn Đ, và Phạm Thị H đã đồng ý tặng cho phần hưởng thừa kế di sản của ông Phạm Văn D cho Phạm Văn Đ. Do đó, bà Hoàng Thị T đồng ý Phạm Văn Đ cùng đứng tên với bà Hoàng Thị T sở hữu nhà đất số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H trình bày:

Thống nhất trình bày của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ.

Bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H đồng ý tặng cho phần hưởng thừa kế di sản ông Phạm Văn Đ cho ông Phạm Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Thu H, bà Phạm Hương Thục Đ, ông Phạm Gia H trình bày:

Bà H, bà Đ, ông H là vợ và con của ông Phạm Văn Đ đang sinh sống tại căn nhà số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H. Quá trình sinh sống không có sửa chữa, xây dựng mới công trình trên đất. Do đó, bà H, bà Đ, ông H không có yêu cầu gì.

Về giá trị nhà đất tranh chấp:

Tại Chứng thư thẩm định giá số 22092301 – BDS/BT – HN ngày 22/9/2023 của Công ty TNHH Thẩm định giá BT – HN, giá trị nhà đất tranh chấp cụ thể như sau:

- Giá trị quyền sử dụng đất ở tại đô thị: $93,1\text{m}^2 \times 46.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.282.600.000\text{đ}$ (Bốn tỷ hai trăm tám mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Giá trị công trình xây dựng:

+ Nhà 01 lầu – Sàn BTCT mái tôn: $97,4\text{m}^2 \times 40\% \times 3.470.000\text{đ}/\text{m}^2 = 135.191.200\text{đ}$ (Một trăm ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi một ngàn hai trăm đồng).

+ Nhà trệt tường gạch mái tôn: $41,8\text{m}^2 \times 30\% \times 1.615.000\text{đ}/\text{m}^2 = 20.252.100\text{đ}$ (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi hai ngàn một trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản thẩm định giá: $4.282.600.000\text{đ} + 135.191.200\text{đ} + 20.252.100\text{đ} = 4.438.043.300\text{đ}$ (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu không trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm đồng).

Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự nguyện thỏa thuận giải quyết vụ án, tuy nhiên bà Phạm Thị L vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Phạm Thị L vắng mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng, quan hệ tranh chấp của Tòa án:

+ Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp chia thừa kế”. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đang cư trú tại Hoa Kỳ. Căn cứ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H.

+ Tòa án nhân dân Thành phố H đã có thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát và các đương sự về việc thụ lý vụ án theo đúng Điều 195, 196, 199 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải:

+ Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên họp theo đúng quy định tại các Điều 170, 171, 173, 174, 175, 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát: Tòa án đã gửi hồ sơ vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, những người tham gia tố tụng tuân thủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc ủy quyền của các đương sự trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 15/3/2022, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ có đơn khởi kiện trình bày:

Cha mẹ ông là cụ ông Phạm Văn D và cụ bà Hoàng Thị T. Ông D và bà T chung sống có 07 người con gồm: Bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H. Ngoài ra không có con nuôi, con riêng, cha mẹ nuôi.

Trong quá trình chung sống, cha mẹ ông tạo lập được căn nhà và quyền sử dụng đất 91,5m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 148,7m² tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp; đo đạc thực tế diện tích đất 93,1m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 139,2m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 15538/TTĐĐBĐ-VPĐĐ ngày 26/4/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H.

Ông D chết ngày 23/6/2010, không để lại di chúc tài sản cho ai.

Cha ông D là ông Phạm Văn H, chết trước năm 1945, không có khai tử, chứng tử.

Mẹ ông D là bà Vũ Thị C, chết trước năm 1945, không có khai tử, chứng tử.

Sau khi ông D chết, bà Hoàng Thị T và các con đã nhiều lần họp gia đình để giải quyết phân chia di sản của ông D nhưng bà Phạm Thị L không đồng ý. Hiện nay, di sản của ông D do bà T và ông Đ quản lý, sử dụng.

Các ông bà Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Văn Đ và Phạm Thị H đã đồng ý tặng cho ông Phạm Văn Đ phần hưởng di sản thừa kế của ông D.

Nay ông Đ khởi kiện, yêu cầu:

- Xác định $\frac{1}{2}$ nhà đất số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H, diện tích đất 93,1m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 139,2m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 15538/TTĐĐBĐ-VPĐĐ ngày 26/4/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H và theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp, là di sản thừa kế của ông D.

- Chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn D cho các ông bà: Hoàng Thị T, Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị T mỗi người $\frac{1}{8}$ di sản của ông Phạm Văn D.

- Ông Phạm Văn Đ nhận phần hưởng thừa kế di sản ông Phạm Văn D của các ông bà Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Thị L, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Đ và Phạm Thị H.

- Ông Phạm Văn Đ thanh toán cho bà Phạm Thị L giá trị phần hưởng thừa kế di sản ông Phạm Văn D tại thời điểm thi hành án.

- Ông Phạm Văn Đ cùng đứng tên đồng sở hữu với bà Hoàng Thị T đối với nhà đất số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

Bị đơn bà Phạm Thị L: Không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà Hoàng Thị T thống nhất lời khai của nguyên đơn về quan hệ nhân thân và tài sản do ông D chết để lại.

Nay Phạm Văn Đ khởi kiện Phạm Thị L yêu cầu chia di sản của ông Phạm Văn D chết để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H, bà Hoàng Thị T đồng ý nhận phần hưởng thừa kế di sản của ông Phạm Văn D.

Hiện nay, di sản của ông D do bà T và Đ quản lý, sử dụng. Những người con Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Văn Đ, và Phạm Thị H đã đồng ý tặng cho phần hưởng thừa kế di sản của ông D cho Đ. Do đó, bà đồng ý Phạm Văn Đ cùng đứng tên với bà sở hữu nhà đất số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ do ông Phạm Văn Đ đại diện: thống nhất ý kiến nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị T có bản tường trình ngày 16/9/2022 trình bày: thống nhất ý kiến nguyên

đơn về quan hệ gia đình và di sản thừa kế của ông D. Đồng ý tặng cho phần hưởng thừa kế của ông D cho ông Phạm Văn Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Thị Thu H, Phạm Gia H, Phạm Hương Thục Đ: là vợ và con của ông Đ. Có cùng ý kiến với ông Đ. Quá trình ở tại nhà đất tranh chấp không có công sức đóng góp gì. Không có yêu cầu gì trong vụ án.

Qua diễn biến tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và hồ sơ vụ án nhận thấy:

1/ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng, quan hệ tranh chấp của Tòa án:

+ Việc xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đ xác định quan hệ tranh chấp chia thừa kế.

+ Thẩm quyền thụ lý, giải quyết: trong vụ án có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cư trú tại Hoa Kỳ. Căn cứ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H.

+ Tòa án nhân dân Thành phố H đã có thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát và các đương sự về việc thụ lý vụ án theo đúng Điều 195, 196, 199 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc xác định tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án: thực hiện đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải:

+ Về việc xác minh, thu thập chứng cứ: đã thực hiện theo quy định tại Điều 97 Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: đã thực hiện theo quy định tại Điều 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát: Tòa án đã gửi hồ sơ vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về nội dung:

Qua hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy:

Thứ nhất: Về quan hệ nhân thân.

Cha mẹ của nguyên đơn là ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T. Căn cứ các giấy khai sinh thể hiện tại hồ sơ, lời khai của đương sự, có cơ sở xác định ông Phạm Văn D (sinh năm 1937, chết năm 2010) và bà Hoàng Thị T có 07 người con gồm:

Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Đ, Phạm Thị H, Phạm Thị L, Phạm Thị T.

Thứ hai: Về di sản thừa kế.

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657 ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp cho ông Phạm Văn D, bà Hoàng Thị T nên có cơ sở xác định nhà đất tại số 519/2/3 PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H là của ông D, bà T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Năm 2010 ông D chết (theo giấy chứng tử số 40/2010 ngày 25/6/2010 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận GV, Thành phố H cấp) không để lại di chúc. Do vậy xác định $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại số 519/2/3 PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H là di sản của ông D chết để lại.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 22092301 – BĐS/BT – HN ngày 22/9/2023 của Công ty TNHH Định giá BT – HN thể hiện: Tổng giá trị nhà đất tranh chấp là 4.438.000.000 đồng. Nay ông Đ yêu cầu chia di sản của ông D là có cơ sở chấp nhận, xác định:

Ông Đ hưởng 1/8 giá trị di sản của ông D chết để lại và hưởng các phần thừa kế của các đồng thừa kế ông Đ, ông Đ, bà S, bà T, bà H, tổng cộng ông Đ được hưởng 6/8 giá trị di sản của ông D;

Bà L hưởng 1/8 giá trị di sản của ông D;

Bà T hưởng 1/8 giá trị di sản của ông D và $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại số 519/2/3 PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

Bị đơn bà L vắng mặt không có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét, nhà đất số 519/2/3 PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H hiện do ông Đ và bà T đang quản lý sử dụng. Ông Đ yêu cầu thanh toán lại cho bà L phần giá trị di sản bà L được hưởng là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn D theo pháp luật đối với bị đơn bà Phạm Thị L, tài sản tranh chấp là nhà đất tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H, diện tích đất 93,1m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 139,2m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 15538/TTĐĐBĐ-VPĐD ngày 26/4/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H và theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp; Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Thừa kế tài sản” quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tài sản tranh chấp tọa lạc tại quận GV, Thành phố H, trong vụ án có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ và ông Phạm Văn Đ đang cư trú tại nước Hoa Kỳ (USA) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Phạm Văn D chết ngày 23/6/2010 là thời điểm mở thừa kế nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án trừ thời hiệu thừa kế áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về thời hiệu thừa kế:

Người để lại di sản là ông Phạm Văn D chết ngày 23/6/2010; Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ nộp đơn khởi kiện ngày 30/3/2022 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn D:

Ông Phạm Văn D chết ngày 23/6/2010, cha mẹ của ông Phạm Văn D là ông Phạm Văn H (Chết trước năm 1945) và bà Vũ Thị C (Chết trước năm 1945), chết trước ông Phạm Văn D; Ông Phạm Văn D không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng.

Ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T có 07 người con gồm: Bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H.

Căn cứ Điều 635, Điều 636, điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005, có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Phạm Văn D gồm: Bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H.

Về di sản của ông Phạm Văn D chết để lại:

Nhà đất tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H, diện tích đất 93,1m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 139,2m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 15538/TTĐĐBĐ-VPĐD ngày 26/4/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H và theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp cho ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T.

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, có cơ sở xác định tài sản nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T thuộc sở hữu chung hợp nhất. Như vậy, ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T, mỗi

người có ½ tài sản trong khối tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất là nhà đất tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H như đã nêu trên.

Căn cứ Điều 634 Bộ luật Dân sự năm 2005, có cơ sở xác định di sản của ông Phạm Văn D chết để lại là ½ nhà đất tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H như đã nêu trên.

Xét sự vắng mặt của bị đơn bà Phạm Thị L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị H, bà Phạm Hương Thục Đ, ông Phạm Gia H tại phiên tòa sơ thẩm:

Đối với bị đơn bà Phạm Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã tiến hành thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị L hợp lệ, đúng quy định của pháp luật, bà Phạm Thị L đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không có lời khai phản hồi về yêu cầu khởi kiện và cũng không có yêu cầu phản tố.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị H, bà Phạm Hương Thục Đ, ông Phạm Gia H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 170, Điều 171, Điều 172, Điều 173, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ, ý kiến trình bày của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H, bà Lương Thị Thu H, bà Phạm Hương Thục Đ, ông Phạm Gia H, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; Đối với bị đơn bà Phạm Thị L vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn bà Phạm Thị L từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Phạm Văn Đ cung cấp và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập để xét xử vụ án.

Di sản của ông Phạm Văn D chết để lại là ½ nhà đất tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H, diện tích đất 93,1m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 139,2m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 15538/TTĐĐBĐ-VPĐĐ ngày 26/4/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H và theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp cho ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T. Ông Phạm Văn D chết ngày 23/6/2010, không để lại di chúc tài sản cho ai; Các đương sự trong vụ án không yêu cầu các khoản chi phí liên quan đến thừa kế theo quy định tại Điều 683 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 635, Điều 636, Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676, Điều 685 Bộ Luật Dân sự năm 2005; Di sản của ông Phạm Văn D được chia cho hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Phạm Văn D gồm: Bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn

Đ, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H, cụ thể mỗi người được hưởng là 01/16 nhà đất tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H.

Hiện nay, di sản của ông Phạm Văn Đ do bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn Đ đang quản lý, sử dụng. Ông Phạm Văn Đ yêu cầu nhận phần hưởng thừa kế di sản ông Phạm Văn Đ của các ông bà Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Thị L, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Đ, Phạm Thị H và ông Phạm Văn Đ cùng đứng tên với bà Hoàng Thị T trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Bà Hoàng Thị T đồng ý. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 60/2017/QĐ – UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định về diện tích tối thiểu tách thửa đất trên địa bàn Thành phố H; Có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Đ, giao các phần hưởng thừa kế di sản ông Phạm Văn Đ của các ông bà Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Thị L, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Đ và Phạm Thị H cho ông Phạm Văn Đ được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt, ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần hưởng thừa kế cho các ông bà Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Thị L, Phạm Văn Đ và Phạm Thị H, mỗi người là 01/16 giá trị nhà đất tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H tại thời điểm thi hành án.

Xét trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H đồng ý tặng cho toàn bộ phần thừa kế của mình cho ông Phạm Văn Đ. Xét thấy sự tự nguyện của bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp Điều 4 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên ghi nhận.

Xét trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Thu H, bà Phạm Hương Thục Đ, ông Phạm Gia H không yêu cầu tranh chấp gì đối với ông Phạm Văn Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Phạm Văn Đ.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Tại Chứng thư thẩm định giá số 22092301 – BĐS/BT – HN ngày 22/9/2023 của Công ty TNHH Thẩm định giá BT – HN, giá trị nhà đất tranh chấp cụ thể như sau:

- Giá trị quyền sử dụng đất ở tại đô thị: $93,1\text{m}^2 \times 46.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.282.600.000\text{đ}$ (Bốn tỷ hai trăm tám mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Giá trị công trình xây dựng:

+ Nhà 01 lầu – Sàn BTCT mái tôn: $97,4\text{m}^2 \times 40\% \times 3.470.000\text{đ}/\text{m}^2 = 135.191.200\text{đ}$ (Một trăm ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi một ngàn hai trăm đồng).

+ Nhà trệt tường gạch mái tôn: $41,8\text{m}^2 \times 30\% \times 1.615.000\text{đ}/\text{m}^2 = 20.252.100\text{đ}$ (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi hai ngàn một trăm đồng).

Tổng giá trị di sản là: 4.282.600.000đ + 135.191.200đ + 20.252.100đ = 4.438.043.300đ (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu không trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm đồng).

Giá trị 01/16 di sản là: 4.438.043.300đ : 16 = 277.377.706đ (Hai trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm lẻ sáu đồng).

Những người thừa kế được hưởng di sản phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật trên phần di sản được hưởng. Tuy nhiên, bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn Đ đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm của các ông bà Phạm Văn Đ và Phạm Thị H; xét thấy đây là sự tự nguyện của ông Phạm Văn Đ nên ghi nhận.

Các chi phí tố tụng do ông Phạm Văn Đ tạm ứng, ông Phạm Văn Đ đồng ý chịu nên không xem xét giải quyết.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa:

Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 147, Điều 170, Điều 171, Điều 172, Điều 173, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 192, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676, Điều 683, Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 60/2017/QĐ – UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định về diện tích tối thiểu tách thửa đất trên địa bàn Thành phố H;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ đối với bà Phạm Thị L, cụ thể:

- Người thừa kế hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Phạm Văn Đ gồm: Bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H.

- Di sản của ông Phạm Văn D chết để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H, diện tích đất 93,1m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 139,2m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 15538/TTĐĐBĐ-VPĐD ngày 26/4/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H và theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp cho ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T.

- Phân chia di sản của ông Phạm Văn D:

Chia cho người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn D gồm: Bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H, cụ thể mỗi người được chia 01/16 nhà đất tại địa chỉ số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H, diện tích đất 93,1m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 139,2m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 15538/TTĐĐBĐ-VPĐD ngày 26/4/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H và theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp cho ông Phạm Văn D và bà Hoàng Thị T.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H tặng cho toàn bộ phần hưởng thừa kế theo pháp luật di sản của ông Phạm Văn D cho ông Phạm Văn Đ.

- Giao cho ông Phạm Văn Đ các phần hưởng thừa kế di sản ông Phạm Văn D của các ông bà Phạm Thị S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Thị L, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Đ và Phạm Thị H.

- Ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị L 01/16 giá trị nhà đất tại địa chỉ số số 579/2/3 đường PVC, Phường X, quận GV, Thành phố H, diện tích đất 93,1m², thửa đất số 51 tờ bản đồ số 52, diện tích xây dựng 139,2m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 15538/TTĐĐBĐ-VPĐD ngày 26/4/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H và theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp. Giá trị nhà, đất theo tỷ lệ được phân chia như đã nêu trên được tính tại thời điểm thi hành án sau khi trừ các chi phí, phí, lệ phí thi hành án, theo quy định của pháp luật.

Ngay khi ông Phạm Văn Đ thi hành xong nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị L; Ông Phạm Văn Đ được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, chỉnh lý biến động đứng tên cùng bà Hoàng Thị T trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1657/2009/UB.GCN ngày 20/3/2009 của Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H.

Kể từ ngày bà Phạm Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn Đ chậm thi hành hoặc không thi hành, thì phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

II. Ân phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Văn Đ phải chịu: $13.868.900đ \times 03 = 41.606.700đ$ (Bốn mươi một triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Văn Đ đã nộp 4.687.500đ (Bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002455 ngày 17/6/2022 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố H; ông Phạm Văn Đ phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 36.919.200đ (Ba mươi triệu chín trăm mười chín ngàn hai trăm đồng).

- Bà Phạm Thị L phải chịu là 13.868.900đ (Mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

III. Quyền kháng cáo Bản án:

- Ông Phạm Văn Đ, bà Lương Thị Thu H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị T, bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị H, bà Phạm Hương Thục Đ, ông Phạm Gia H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức